

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

CẨM NANG
**TƯ DUY
PHẢN BIỆN**
KHÁI NIỆM VÀ CÔNG CỤ

CRITICAL THINKING
CONCEPTS AND TOOLS

Nhóm dịch thuật
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐÃ BÁN TRÊN
1 TRIỆU CUỐN



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

Cẩm nang
TƯ DUY
PHẢN BIỆN
Khái niệm và Công cụ
CRITICAL THINKING
Concepts and Tools

Nhóm dịch thuật

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngữ

BÙI VĂN NAM SƠN *hiệu đính*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

L Ờ I G I Ớ I T H I Ệ U

Hãy “học cách học”...

“*A*pprendre à apprendre” (“học cách học”) là một khẩu hiệu nổi tiếng trong tiếng Pháp và không dễ... dịch, vì động từ “apprendre” trong tiếng Pháp dường như có cả hai nghĩa trong tiếng Anh: “to teach” và “to learn”! Không có sự tách bạch giữa “dạy” và “học”, vì vị trí của chúng đôi khi có thể thay thế cho nhau, hay nói ngắn, giữa chúng có một sự “vận động”. Sự vận động ấy chính là phương pháp.

Từ khi René Descartes viết quyển “*Các quy tắc hướng dẫn tư duy*” (*Règles pour la direction de l'esprit*) năm 1628 và “*Luận văn về Phương pháp*” (*Discours de la Méthode*) năm 1637, khoa học và tư duy khoa học thật sự bước vào thời hiện đại, tức, ta không còn có thể suy nghĩ và làm việc như thể không có... Descartes được nữa! Gần bốn thế kỷ đã trôi qua với biết bao sự cải tiến và tinh vi hóa về phương pháp trên mọi lĩnh vực, nhưng mục tiêu của nó không thay đổi, đúng như Kant đã nói: “Ta không thể học triết học, mà chỉ có thể học cách triết lý” hay như lời của Albert Einstein: “Giá trị của một nền

giáo dục (...) không phải là dạy và học được nhiều sự kiện mà là đào luyện cho tinh thần biết tư duy...”

“*The Foundation for Critical Thinking*” (Quỹ Tư duy Phản biện) là một tổ chức học thuật, cung cấp nhiều “cẩm nang” về tư duy khoa học được biên soạn chặt chẽ, chặt lọc, ngắn gọn và thiết thực, đúc kết nhiều thành tựu về phương pháp trên “mẫu số chung”- là khuyến khích tư duy phân tích và phản biện, cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học tập và nghiên cứu một cách có thực chất, có chiều sâu và dễ dàng áp dụng vào cuộc sống.

Bộ sách CẨM NANG TƯ DUY này dành cho mọi độc giả, từ học sinh, sinh viên đến các giảng viên, các nhà nghiên cứu, doanh nhân, người đã đi làm cũng như quý phụ huynh... muốn nâng cao năng lực tư duy của mình. Học sinh, sinh viên có thể đọc cẩm nang như tài liệu tham khảo để học tốt các bộ môn; quý phụ huynh có thể sử dụng cẩm nang để vừa nâng cao năng lực tư duy của mình vừa giúp con em mình phát triển các kỹ năng tư duy cần thiết để học tốt; các giảng viên, nhà nghiên cứu có thể sử dụng cẩm nang để xây dựng tốt các chủ đề của mình; người đã đi làm, doanh nhân... có thể áp dụng các kỹ năng, ý tưởng của cẩm nang vào công việc và cuộc sống.

Rất hoan nghênh và biết ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã dịch và xuất bản bộ sách quý này đến bạn đọc Việt Nam.

BÙI VĂN NAM SƠN

L ờ i N ó i đ ầ u

Quển cẩm nang này tập trung vào bản chất của các khái niệm và công cụ “tư duy phản biện” được cô đọng thành một tập sách bỏ túi. Đối với bộ môn tư duy phản biện, cẩm nang trình bày một khái niệm được nhiều người chia sẻ về tư duy phản biện. Đối với sinh viên, cẩm nang là tài liệu tham khảo phụ trợ cho sách giáo khoa trong mọi môn học. Bộ môn tư duy phản biện có thể dùng cẩm nang để thiết kế bài giảng, chấm điểm và đưa ra các bài kiểm tra. Sinh viên có thể sử dụng cẩm nang để tăng tiến hiểu biết trong bất kỳ lĩnh vực nào.

Những kỹ năng chung của cẩm nang áp dụng được cho mọi chủ đề. Chẳng hạn, nhà tư duy phản biện sẽ nắm rõ ngay mục đích và vấn đề đang tranh cãi. Họ sẽ tra vấn thông tin, những kết luận và góc nhìn. Họ sẽ phấn đấu đạt đến sự chính xác, sự rõ ràng và tính liên quan. Họ sẽ tìm cách tư duy sâu hơn bề mặt bên ngoài, tư duy một cách lô gic và không thiên lệch. Họ sẽ áp dụng những kỹ năng này vào việc đọc, viết cũng như nghe và nói. Họ có thể áp dụng chúng vào các bộ môn như lịch sử, khoa học, toán học, triết học và các nghệ thuật; trong đời sống cá nhân cũng như trong cuộc sống nghề nghiệp.

Khi quyển cẩm nang này được sử dụng như một tài liệu tham khảo phụ trợ cho sách giáo khoa trong nhiều bộ môn, sinh viên sẽ bắt đầu nhìn ra được ích lợi của tư duy phản biện trong từng lĩnh vực học vấn. Và nếu giảng viên đưa ra được những ví dụ áp dụng môn học này vào đời sống hàng ngày, sinh viên sẽ bắt đầu nhận ra rằng giáo dục là một công cụ cải thiện chất lượng cuộc sống của họ.

Nếu bạn là sinh viên và đang sử dụng cẩm nang này hãy tập thói quen mang theo nó đến lớp. Hãy thường xuyên tham khảo nó để phân tích và tổng hợp những gì bạn học được. Hãy thấm nhuần sâu hơn những nguyên tắc mà bạn tìm thấy trong quyển cẩm nang này - cho đến khi việc sử dụng chúng trở thành bản năng thứ hai của bạn.

Nếu thành công, cẩm nang này sẽ đồng thời phục vụ cho bộ môn, sinh viên và chương trình giáo dục.



Richard Paul

Trung tâm Tư duy Phản biện



Linda Elder

Quý Tư duy Phản biện

Tại sao lại cần “Tư duy Phản biện”?

Vấn đề:

Ai cũng tư duy; đó là bản tính tự nhiên của chúng ta. Nhưng, nếu bỏ mặc nó, phần lớn tư duy của ta sẽ bị thiên lệch, bóp méo, rời rạc, thiếu thông tin hay hết sức định kiến. Song, chất lượng cuộc sống của ta và của những gì ta tạo ra, làm ra hay xây dựng lại hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của tư tưởng chúng ta. Tư duy chất lượng kém sẽ rất tốn kém, cả về tiền bạc lẫn về chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, để có tư duy xuất sắc thì tư duy của ta phải được vun bồi một cách có hệ thống.

Định nghĩa:

Tư duy phản biện (critical thinking) là nghệ thuật phân tích và đánh giá tư duy với định hướng cải thiện nó.

Kết quả:

Một nhà tư duy phản biện sẽ biết:

- Nêu ra những câu hỏi và những vấn đề thiết thực, sống còn, phát biểu chúng một cách rõ ràng và chính xác;
- Tập hợp và đánh giá những thông tin có liên quan, sử dụng những ý niệm trừu tượng để lý giải chúng một cách hiệu quả;
- Đi đến những kết luận và giải pháp có lý lẽ, kiểm nghiệm chúng bằng những tiêu chí và chuẩn mực thích hợp;

- Tư duy một cách cởi mở bên trong những hệ thống tư tưởng khác nhau, nhìn nhận và đánh giá (nếu cần) những giả định, hàm ý và những hệ luận thực hành của chúng; và
- Truyền thông một cách hiệu quả cho người khác nhằm đưa ra những giải pháp cho những vấn đề phức hợp.

Nói ngắn, tư duy phản biện là tư duy tự định hướng, tự giác, tự giám sát và tự hiệu chỉnh. Nó đòi hỏi những chuẩn mực nghiêm ngặt về sự xuất sắc và kiểm soát việc sử dụng chúng một cách tinh thức. Nó sẽ mang lại sự truyền thông hiệu quả, năng lực giải quyết vấn đề và một sự cam kết vượt qua bản tính “lấy cái Tôi làm trung tâm” và “lấy xã hội làm trung tâm” của chúng ta.

Những yếu tố của tư tưởng

Góc nhìn

các khung quy chiếu;
các viễn tượng; các
định hướng

Mục đích

các mục tiêu,
mục đích

Các hàm ý và Hệ luận

Vấn đề đang đề cập

vấn đề, vấn đề
tranh cãi

Các giả định

các tiền giả định, các
tiên đề, những điều
được xem là
hiển nhiên

Những yếu tố của tư tưởng

Thông tin

các dữ kiện, các sự kiện,
các lý do, các quan sát,
các kinh nghiệm,
các bằng
chứng

Các khái niệm

các lý thuyết, các
định nghĩa, các quy
luật, các nguyên tắc,
các mô hình

Diễn giải và Suy luận

các kết luận,
các giải pháp

Được sử dụng cùng sự nhạy cảm về các chuẩn trí tuệ phổ quát

Sự rõ ràng → sự đúng đắn, → chiều sâu → chiều rộng → ý nghĩa
sự chính xác,
tính liên quan
↓
công bằng

Bảng Kiểm kê Lập luận

1. Mọi lập luận đều có MỤC ĐÍCH.

- Bạn có thể phát biểu mục đích của mình một cách rõ ràng không?
- Mục đích lập luận của bạn là gì?
- Lập luận của bạn có tập trung xuyên suốt vào mục đích của bạn không?
- Mục đích của bạn có thực tế không?

2. Mọi lập luận đều là một nỗ lực tìm ra điều gì đó, xử lý CÂU HỎI nào đó, giải quyết VẤN ĐỀ nào đó.

- Bạn đang cố gắng trả lời câu hỏi nào?
- Có những cách tư duy nào khác về câu hỏi này không?
- Bạn có thể chia câu hỏi ra thành những câu hỏi nhỏ không?
- Đây là câu hỏi chỉ có duy nhất một câu trả lời đúng hay có thể có nhiều câu trả lời hợp lý?
- Câu hỏi này đòi hỏi phải có phán đoán chứ không đơn thuần dựa trên các sự kiện?

3. Mọi lập luận đều dựa trên các GIẢ ĐỊNH.

- Bạn đang đưa ra những giả định nào? Chúng có được biện minh không?
- Những giả định của bạn định hình góc nhìn của bạn như thế nào?
- Trong các giả định của bạn, những giả định nào có thể được tra vấn một cách hợp lý?

4. Mọi lập luận đều được đưa ra từ một GÓC NHÌN nào đó.

- Góc nhìn của bạn là gì? Nó được dựa trên những nhận thức nào? Điểm yếu của nó ở đâu?
- Trong lập luận về vấn đề này, bạn nên xem xét những góc nhìn nào khác? Điểm mạnh và điểm yếu của những góc nhìn đó? Bạn có công bằng khi xem xét những nhận thức nằm đằng sau những góc nhìn ấy không?

5. Mọi lập luận đều dựa trên DỮ KIỆN, THÔNG TIN và BẰNG CHỨNG.

- Trong chừng mực nào lập luận của bạn được các dữ kiện tương ứng ủng hộ?
- Các dữ kiện có gợi ra những giải thích khác với giải thích mà bạn đưa ra không?
- Các dữ kiện có rõ ràng, đúng và có liên quan đến câu hỏi đang đặt ra không?
- Bạn đã tập hợp đủ dữ kiện để cho ra một kết luận hợp lý chưa?

6. Mọi lập luận đều được thể hiện thông qua các KHÁI NIỆM và các LÝ THUYẾT và đều bị định hình bởi các KHÁI NIỆM và các LÝ THUYẾT.

- Những khái niệm và những lý thuyết cốt lõi nào đang chi phối lập luận của bạn?
- Có thể có những giải thích nào khác, dựa theo các khái niệm và lý thuyết ấy?
- Bạn có rõ ràng và chính xác trong việc sử dụng các khái niệm và lý thuyết trong lập luận của mình không?
- Bạn có bóp méo các ý niệm cho phù hợp với kế hoạch làm việc của mình không?

7. Mọi lập luận đều chứa đựng các SUY LUẬN hay các ĐIỂN GIẢI, nhờ đó ta rút ra các KẾT LUẬN và mang lại ý nghĩa cho các dữ kiện.

- Trong chừng mực nào các dữ kiện ủng hộ cho những kết luận của bạn?
- Các suy luận của bạn có nhất quán với nhau không?
- Có cần phải xét đến những suy luận hợp lý khác không?

8. Mọi lập luận đều dẫn đến chỗ nào đó hay có những HÀM Ý và HỆ LUẬN.

- Những hàm ý và hệ luận nào theo sau lập luận của bạn?
- Nếu chúng tôi chấp nhận hướng lập luận của bạn thì sẽ có những hàm ý và hệ luận nào?

Các Câu hỏi sử dụng những Yếu tố của Tư tưởng

(trên giấy, trong hành động, khi đọc...)

- Mục đích:** Tôi đang cố gắng hoàn tất điều gì?
Mục tiêu trung tâm của tôi? Mục đích của tôi?
- Câu hỏi:** Tôi đang đưa ra câu hỏi nào?
Tôi đang đề cập đến câu hỏi nào?
Tôi có xem xét những tính phức hợp trong câu hỏi không?
- Thông tin:** Tôi đang sử dụng thông tin gì để đi đến kết luận?
Tôi cần kinh nghiệm nào để chống đỡ cho phát biểu này?
Tôi cần thông tin gì để xử lý câu hỏi?
- Suy luận/ Kết luận:** Tôi đạt đến kết luận này như thế nào?
Có cách nào khác để lý giải thông tin này không?
- Khái niệm:** Ý niệm/ ý tưởng chính ở đây là gì?
Tôi có thể giải thích ý niệm/ ý tưởng này không?
- Giả định:** Tôi đang xem điều gì là đương nhiên?
Giả định nào đã dẫn tôi đến kết luận đó?

**Hàm ý/
Hệ luận:** Nếu có người chấp nhận lập trường của tôi,
sẽ có những hàm ý nào?

Tôi đang nhắm đến điều gì?

Góc nhìn: Tôi xem xét vấn đề này từ góc nhìn nào?

Tôi cần xem xét góc nhìn nào khác nữa không?

Ba Cấp độ Tư tưởng

Cấp độ 3:

Tư duy ở mức cao nhất

- Phản tư một cách rõ ràng
- Kỹ năng ở cấp độ cao nhất
- Thường xuyên dùng các công cụ tư duy phản biện trong phân tích và đánh giá tư duy
- Luôn công bằng

Cấp độ 2:

Tư duy ở cấp độ cao hơn

- Phản tư có chọn lọc
- Cấp độ kỹ năng cao
- Thiếu từ vựng tư duy phản biện
- Không phải lúc nào cũng công bằng, có thể rất giỏi ngụy biện

Cấp độ 1:

Tư duy ở cấp độ thấp

- Không phản tư
- Cấp độ kỹ năng phối hợp ở mức thấp
- Thường xuyên dựa vào trực giác
- Phần lớn là vì lợi ích của mình/
tự lừa mình

Tư duy ở cấp độ thấp thường được phân biệt với tư duy ở cấp độ cao hơn. Nhưng tư duy ở cấp độ cao hơn có thể có chất lượng không ổn định. Nó có thể công bằng hoặc không công bằng. Để tư duy ở cấp độ cao nhất về chất, ta không những cần những kỹ năng trí tuệ mà còn cần cả những đặc trưng trí tuệ.

Các Chuẩn Trí tuệ Phổ quát

Và những câu hỏi có thể được dùng để áp dụng chúng

Các chuẩn trí tuệ phổ quát là những chuẩn mực được áp dụng vào tư duy để đảm bảo chất lượng tư duy. Để học được, các chuẩn trí tuệ này phải được dạy một cách minh nhiên. Mục tiêu cuối cùng là để những chuẩn mực ấy trở nên thấm đẫm trong tư duy của sinh viên, hình thành phần tiếng nói bên trong của họ, hướng dẫn họ lý luận tốt hơn.

Sự Rõ ràng:

Bạn có thể nói rõ thêm về điểm đó không? Bạn có thể trình bày điểm đó bằng cách khác không? Bạn có thể cho tôi một minh họa? một ví dụ?

Sự rõ ràng là một chuẩn mực mang tính bản lề. Nếu một phát biểu không rõ ràng, ta không thể xác định nó chính xác hay có liên quan hay không. Thực tế, ta không thể nói được gì về nó vì ta vẫn chưa biết nó muốn nói gì. Chẳng hạn, câu hỏi “Có thể làm được gì cho hệ thống giáo dục của đất nước?” là câu hỏi không rõ ràng. Để đưa ra đúng câu hỏi, ta cần có một hiểu biết rõ ràng hơn về việc người đặt ra câu hỏi đang xem xét “vấn đề” gì? Một câu hỏi rõ ràng hơn có lẽ là: “Những nhà giáo có thể làm gì để đảm bảo rằng sinh viên học được những kỹ năng và năng lực giúp họ làm việc thành công và đưa ra những quyết định trong cuộc sống hàng ngày?”

Sự Đúng đắn:

Điều ấy có thực sự đúng không? Làm sao ta có thể kiểm tra điều đó được? Làm thế nào ta biết được điều đó là đúng?

Một phát biểu có thể rõ ràng nhưng lại không đúng đắn, chẳng hạn: “Hầu hết loài chó đều nặng trên 136 kg.”

Sự Chính xác:

Bạn có thể cho nhiều chi tiết hơn, và cụ thể hơn được không?

Một phát biểu có thể vừa rõ ràng vừa đúng đắn, nhưng lại không chính xác, như trong câu: “Jack thừa cân.” (Ta không biết Jack thừa cân ra sao, nửa kg hay 226 kg).

Tính Liên quan:

Điều đó nối kết thế nào với câu hỏi? Điều đó liên quan gì với vấn đề đang đặt ra?

Một phát biểu có thể rõ ràng, đúng và chính xác, nhưng lại không liên quan đến câu hỏi đang đặt ra. Chẳng hạn, sinh viên thường nghĩ rằng công sức họ bỏ ra cho một bài học nhất định sẽ nâng cao điểm số của họ. Tuy nhiên, thường thì “công sức” không đo lường được chất lượng trong việc học của sinh viên, và khi đó công sức là không liên quan đến điểm số tương ứng của họ.

Chiều Sâu:

Câu trả lời của bạn đề cập gì đến những tính phức hợp trong câu hỏi? Bạn đã xem xét như thế nào về những vấn đề trong câu hỏi? Bạn có xử lý những nhân tố có ý nghĩa nhất không?

Một phát biểu có thể rõ ràng, đúng, chính xác và có liên quan, nhưng lại hời hợt bề ngoài (tức thiếu chiều sâu). Chẳng hạn, phát biểu “Hãy Nói Không” được người ta dùng

trong nhiều năm để khuyến khích trẻ em và tuổi teen không sử dụng ma túy là phát biểu rõ ràng, đúng, chính xác và phù hợp. Song, những người dùng lối tiếp cận này lại đang xử lý rất hời hợt một vấn đề hết sức phức hợp, vấn đề phổ biến của việc sử dụng ma túy trong giới trẻ. Phát biểu ấy không thể nào xử lý được những tính phức hợp trong vấn đề đó.

Chiều Rộng:

Chúng ta có cần xét đến góc nhìn khác không? Có cách nào khác để xem xét câu hỏi này không? Từ góc nhìn bảo thủ thì điều này trông ra sao? Từ góc nhìn của... thì điều này như thế nào?

Một chuỗi lập luận có thể rõ ràng, đúng, chính xác, có liên quan và có chiều sâu, nhưng lại thiếu chiều rộng (như trong một lập luận chỉ từ góc nhìn của phái bảo thủ hoặc chỉ từ lập trường phái tự do, tuy có đi sâu vào vấn đề đang tranh cãi nhưng lại chỉ thừa nhận ý kiến của một phía.)

Tính Lô gic:

Điều này thực sự có nghĩa không? Điều ấy có xuất phát từ những gì bạn đã nói không? Nó nảy sinh như thế nào? Trước đó bạn đã ngụ ý như thế, nhưng sao bây giờ bạn lại nói rằng tôi không biết tại sao cả hai có thể cùng đúng.

Khi tư duy, ta mang nhiều tư tưởng khác nhau vào một trật tự nào đó. Khi sự nối kết các tư tưởng nâng đỡ cho nhau và tạo nghĩa trong sự nối kết, tư duy ấy “có tính lô gic”. Khi sự nối kết không nâng đỡ nhau, mâu thuẫn theo nghĩa nào đó hay không “có nghĩa”, sự nối kết ấy là “không lô gic”.

Công Bằng:

Chúng ta có thật lòng suy xét hết mọi lập trường có liên quan chưa? Chúng ta có xuyên tạc thông tin nào đó để

giữ viễn tượng đầy định kiến của mình không? Ta có quan tâm nhiều đến lợi ích của ta hơn là quan tâm đến lợi ích chung không?

Lẽ tự nhiên, chúng ta tư duy từ viễn tượng của riêng mình, từ một góc nhìn có khuynh hướng ưu tiên cho lập trường của mình. Công bằng có nghĩa là xử lý mọi quan điểm có liên quan một cách như nhau mà không tính đến những tình cảm hay lợi ích riêng của mình. Vì chúng ta có khuynh hướng thiên lệch cho quan điểm của mình, nên việc giữ được phẩm chất công bằng trước tư duy của ta là rất quan trọng. Điều này đặc biệt quan trọng khi tình huống có thể buộc ta phải nhìn những điều ta không muốn thấy, hay từ bỏ điều mà ta muốn giữ.

**Sự
Rõ ràng**

Bạn có thể nói rõ hơn không?
 Bạn có thể cho một ví dụ?
 Bạn có thể minh họa cho điều bạn muốn nói?

**Sự
Đúng đắn**

Làm sao chúng ta kiểm tra được chuyện đó?
 Làm sao ta có thể biết được điều đó là đúng?
 Làm sao ta chứng thực hay kiểm nghiệm được điều đó?

**Sự
Chính xác**

Bạn có thể cụ thể hơn không?
 Bạn có thể cho tôi nhiều chi tiết hơn không?
 Bạn có thể chính xác hơn không?

**Tính
Liên quan**

Điều đó liên quan thế nào với vấn đề?
 Điều đó có liên quan gì với câu hỏi?
 Điều đó giúp gì cho ta trong vấn đề này?

Chiều Sâu

Những nhân tố nào khiến điều này trở thành một vấn đề khó?
 Những tính phức hợp của vấn đề này là gì?
 Những khó khăn nào mà ta cần xử lý?

**Chiều
Rộng**

Ta có cần xem xét viễn tượng nào khác nữa không?
 Ta có cần xem xét góc nhìn nào khác không?
 Ta có cần nhìn theo những cách khác không?

**Tính
Lô gic**

Tất cả chuyện này có nghĩa gì không?
 Đoạn đầu tiên có phù hợp với đoạn cuối không?
 Những gì bạn nói có xuất phát từ bằng chứng không?

Ý nghĩa

Đây có phải là vấn đề quan trọng nhất cần suy xét không?
 Đây có phải là ý niệm/ ý tưởng trung tâm cần tập trung vào không?
 Những sự kiện nào trong số các sự kiện ấy là quan trọng nhất?

Công bằng

Tôi có bất kỳ lợi ích tư lợi nào trong vấn đề này không?
 Tôi có trình bày một cách trung thực những quan điểm của người khác không?

Mẫu Phân tích Lô gic của một bài báo

Hãy lấy một bài báo mà bạn được phân công, đọc cho cả lớp, ghi ra “lô gic” của bài báo bằng cách sử dụng mẫu bên dưới. Bạn có thể điều chỉnh mẫu này để phân tích lô gic của một chương nào đó trong sách giáo khoa.

Lô gic của “(tên bài báo)”

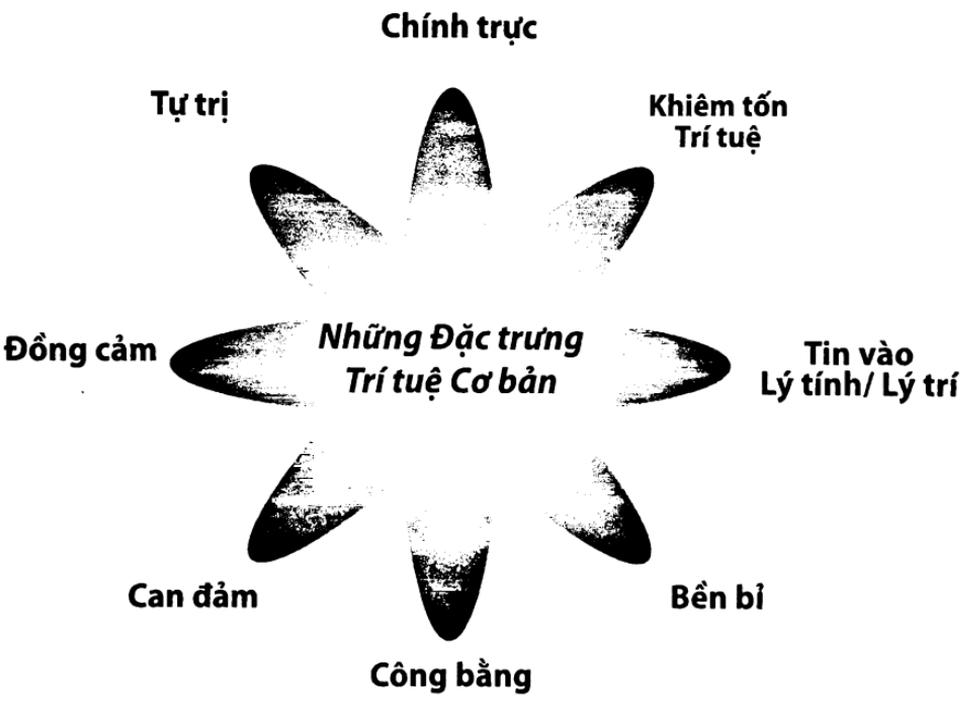
1. Mục đích chính của bài báo này là _____.
(Hãy phát biểu chính xác hết mức có thể về mục đích của tác giả khi viết bài báo này.)
2. Câu hỏi then chốt mà tác giả đang đề cập là _____.
(Hãy tìm ra câu hỏi then chốt trong đầu của tác giả khi viết bài báo này.)
3. Thông tin quan trọng nhất trong bài báo là _____.
(Hãy tìm ra các sự kiện, kinh nghiệm, dữ kiện mà tác giả sử dụng để ủng hộ cho những kết luận của mình.)
4. Những suy luận/ kết luận chính trong bài báo là _____.
(Hãy chỉ ra những kết luận chính mà tác giả đưa ra trong bài báo này.)
5. (Những) khái niệm then chốt cần hiểu trong bài báo là _____. Qua những khái niệm này, tác giả muốn nói rằng _____. (Hãy tìm ra những ý niệm/ ý tưởng quan trọng nhất mà bạn cần hiểu để hiểu được hướng lập luận của tác giả.)

6. (Những) giả định chính nằm bên dưới tư duy của tác giả là _____. (Hãy tìm ra những điều tác giả xem là đương nhiên [những điều này có thể đáng đặt thành vấn đề].)
- 7a. Nếu ta nghiêm túc xem xét hướng lập luận này, những hàm ý/ hệ quả sẽ là _____. (Nếu ta đi theo lập luận của tác giả thì sẽ có những hệ luận/hệ quả gì?)
- 7b. Nếu ta không nghiêm túc xem xét lý luận này, những hàm ý/ hệ quả sẽ là gì _____. (Nếu ta làm ngơ _____?)
8. (Những) góc nhìn chính trong bài báo là _____. (Tác giả đang xem xét điều gì và tác giả xem xét điều đó như thế nào?)

Những Tiêu chí Đánh giá Lập luận

- Mục đích:** Mục đích của người lập luận là gì? Mục đích này được phát biểu một cách rõ ràng hay được hàm ý một cách rõ ràng? Có thể biện minh cho nó được không?
- Câu hỏi:** Câu hỏi đang đề cập có được phát biểu hợp lý? Nó có rõ ràng và không thiên lệch không? Việc phát biểu về câu hỏi ấy có thể hiện được tính phức hợp của vấn đề đang đề cập? Câu hỏi và mục đích có liên quan trực tiếp với nhau không?
- Thông tin:** Tác giả có trích dẫn chứng cứ, kinh nghiệm và/ hoặc thông tin có liên quan thiết thực với vấn đề không? Thông tin có chính xác chưa? Tác giả có đề cập đến những tính phức hợp của vấn đề?
- Khái niệm:** Tác giả có làm rõ những khái niệm then chốt khi cần không? Những khái niệm ấy có được sử dụng một cách chính đáng?
- Giả định:** Tác giả có tỏ ra nhạy cảm trước những gì họ đang xem là đương nhiên hay đang giả định không? (Liệu những giả định ấy có thể được tra vấn một cách hợp lý?) Tác giả có sử dụng những giả định khả nghi mà không đề cập đến những vấn đề có thể nằm ngay bên trong những giả định ấy?
- Suy luận:** Tác giả có phát triển một hướng lập luận giải thích hợp lý cách họ đạt đến những kết luận của mình không?

7. **Góc nhìn:** Tác giả có tỏ ra nhạy cảm với những góc nhìn hay những hướng lập luận có liên quan không? Tác giả có xem xét và trả lời những phản bác từ những góc nhìn có liên quan khác không?
8. **Hàm ý:** Tác giả có tỏ ra nhạy cảm trước những hàm ý và hệ luận/ hệ quả trong lập trường của họ không?



Những Đặc trưng Trí tuệ Cơ bản

Khiêm tốn Trí tuệ

vs Ngạo mạn Trí tuệ

Khiêm tốn trí tuệ là việc có ý thức về những ranh giới trong nhận thức của mình, gồm cả việc có sự nhạy cảm trước những tình huống trong đó bản tính tự nhiên lấy cái Tôi làm trung tâm của ta có vẻ đang phình phờ ta; nhạy cảm trước sự thiên lệch, định kiến và những giới hạn trong góc nhìn của mình. Khiêm tốn trí tuệ phụ thuộc vào việc nhận ra rằng ta không nên phát biểu nhiều hơn những gì ta thực sự biết. Khiêm tốn trí tuệ không phải là nhu nhược hay phục tùng. Khiêm tốn trí tuệ là việc không có sự tự phụ, khoác lác hay ngạo mạn về mặt trí tuệ, cùng với việc có một nhận thức về những nền tảng lô gic, hay về việc thiếu những nền tảng ấy, trong những niềm tin của ta.

Cam đảm Trí tuệ

vs Hèn nhát Trí tuệ

Cam đảm trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải đối mặt và trình bày một cách công bằng những ý niệm/ ý tưởng, niềm tin hay những quan điểm khiến ta có những cảm xúc rất tiêu cực và ta chưa thực sự lắng nghe một cách nghiêm chỉnh. Lòng cam đảm này được nối kết với việc nhận ra rằng những ý niệm/ ý tưởng được xem là nguy hiểm hay phi lý có đôi khi lại được biện minh (toàn bộ hay một phần) một cách hợp lý, và những kết luận và niềm tin được khắc sâu trong chúng ta có đôi khi lại là sai lầm và khiến ta lầm lạc.

Để tự quyết định cho mình điều gì là đúng, ta không được “chấp nhận” một cách thụ động và thiếu phê phán những gì ta đã được “học”. Bởi lẽ, ta không tránh khỏi được việc sẽ nhìn thấy sự thật nào đó trong một số ý niệm/ ý tưởng được xem là nguy hiểm và phi lý, và thấy sự xuyên tạc hay sai lầm trong một số ý niệm/ ý tưởng mà ta luôn tin tưởng mạnh mẽ trong nhóm xã hội của mình, nên chính ở đây cần có lòng can đảm trí tuệ. Ta cần lòng can đảm để chân thật với tư duy của mình trong những hoàn cảnh ấy. Những hình phạt cho sự không xu thời có thể nặng nề!

Cảm thông Trí tuệ

vs Hẹp hòi Trí tuệ

Cảm thông trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải thử đặt mình vào vị trí của người khác để thật sự hiểu họ, điều này đòi hỏi ta phải có ý thức về khuynh hướng lấy cái Tôi làm trung tâm của ta khi nhìn nhận sự thật bằng những nhận thức trực tiếp về tư tưởng hay niềm tin lâu đời của mình. Đặc trưng này có liên quan đến năng lực tái tạo một cách chính xác những điểm nhìn và lập luận của người khác và lập luận từ những tiền đề, giả định và ý niệm của người khác hơn là của chính mình. Đặc trưng này cũng liên quan đến việc sẵn sàng nhớ lại những lần ta đã sai trong quá khứ, cho dù ta luôn có xác tín rất mạnh rằng ta đúng, và có liên quan đến năng lực hình dung mình có thể bị lừa giống như lúc trước ngay trong trường hợp hiện nay.

Tự trị Trí tuệ

vs Tuân phục Trí tuệ

Tự trị trí tuệ là việc có sự kiểm soát thuần lý (có lý trí) những niềm tin, giá trị và suy luận của mình. Lý tưởng của tư duy phản biện là học cách tự mình suy tư, giành được quyền kiểm soát tiến trình tư tưởng của mình. Điều này dẫn đến một cam kết là sẽ phân tích và đánh giá những niềm tin dựa

trên cơ sở của lý trí và bằng chứng, cam kết tra vấn khi thấy hợp lý phải đặt ra câu hỏi, cam kết tin tưởng khi thấy hợp lý để tin, và cam kết tuân theo khi thấy hợp lý phải tuân theo.

Chính trực Trí tuệ

vs Đạo đức giả Trí tuệ

Chính trực trí tuệ là việc nhận ra sự cần thiết phải chân thật với chính tư duy của mình; phải nhất quán với những chuẩn trí tuệ mà ta đang áp dụng; phải giữ cho mình những chuẩn mực nghiêm ngặt như nhau về bằng chứng và chứng minh mà ta đưa ra cho những người phản đối mình; phải thực hiện những gì ta tán thành cho những người khác; và phải thực lòng thừa nhận những sự không thống nhất và những sự thiếu nhất quán trong tư tưởng và hành động của mình.

Bền bỉ Trí tuệ

vs Lười nhác Trí tuệ

Bền bỉ trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải sử dụng những nhận thức trí tuệ và sự thật, bất chấp những khó khăn, trở ngại và thất vọng; bám chắc vào những nguyên tắc thuần lý bất chấp sự đối lập phi lý của người khác; có ý thức về sự cần thiết phải tranh đấu với sự lẫn lộn và những câu hỏi không vững chắc trong một thời gian dài để đạt được hiểu biết hay nhận thức sâu hơn.

Tin vào Lý tính/ Lý trí

vs Mất niềm tin vào Lý tính/ Lý trí và Bằng chứng

Tin tưởng rằng, về lâu về dài, những lợi ích cao hơn của riêng ta và những lợi ích cao hơn của cả nhân loại sẽ có được một cách tốt nhất bằng cách trao cho lý tính quyền tự do cao nhất, bằng cách khuyến khích người ta tự mình đưa ra những kết luận của riêng mình qua việc phát triển những quan năng thuần lý của chính mình. Tin tưởng rằng, với

sự khuyến khích và vun bồi đúng mức, người ta có thể học được cách tự mình tư duy, tự hình thành những điểm nhìn thuần lý, rút ra những kết luận hợp lý, tư duy một cách nhất quán và lô gic, thuyết phục người khác bằng lý tính và trở thành những người có lý trí, bất chấp những trở ngại thâm căn cố đế trong tính chất bẩm sinh của tinh thần con người và trong xã hội như ta đã biết.

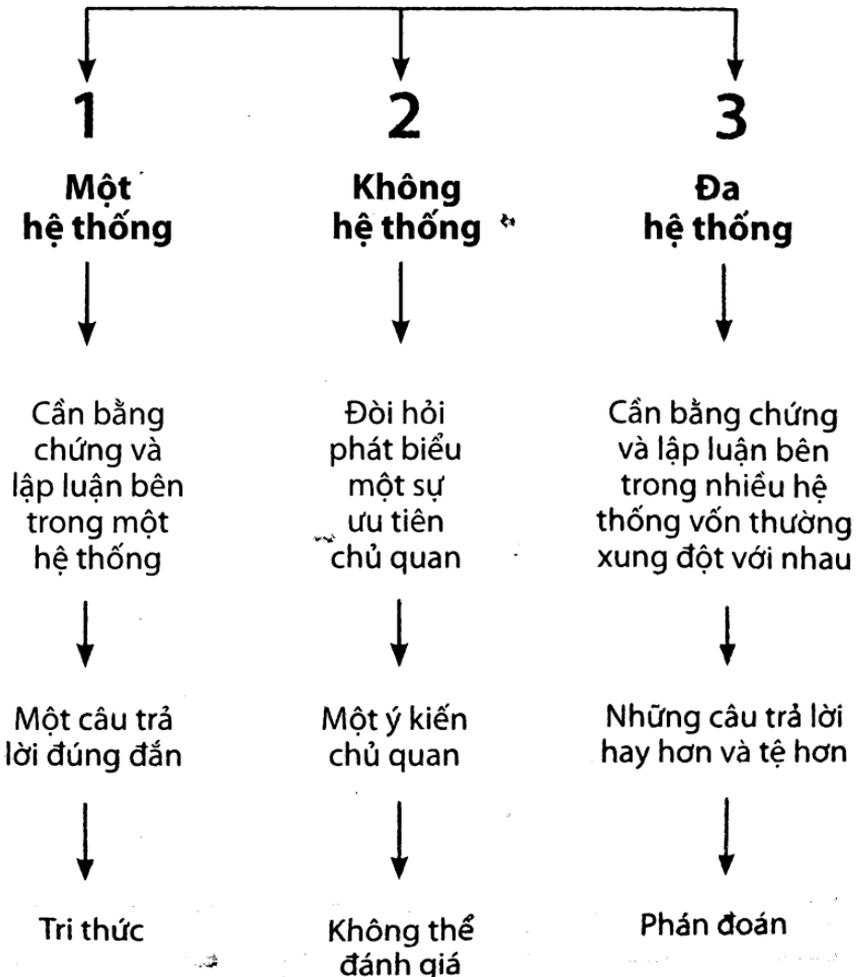
Công bằng

vs Không-Công bằng Trí tuệ

Công bằng là việc có ý thức về sự cần thiết phải đối xử bình đẳng như nhau đối với mọi góc nhìn, mà không viện đến những tình cảm hay lợi ích cá nhân của mình, hay của bạn bè, cộng đồng hay quốc gia mình. Công bằng hàm ý việc tuân theo những chuẩn trí tuệ mà không viện đến lợi thế riêng của mình hay nhóm của mình.

Ba loại Câu hỏi

Khi tiếp cận một câu hỏi thì việc tìm ra câu hỏi đó thuộc loại gì là rất hữu ích. Liệu đó có phải là một câu hỏi cần một câu trả lời dứt khoát? Đó có phải là một câu hỏi thuộc về sự lựa chọn chủ quan? Hay đó là câu hỏi mà bạn cần xem xét những góc nhìn khác nhau?



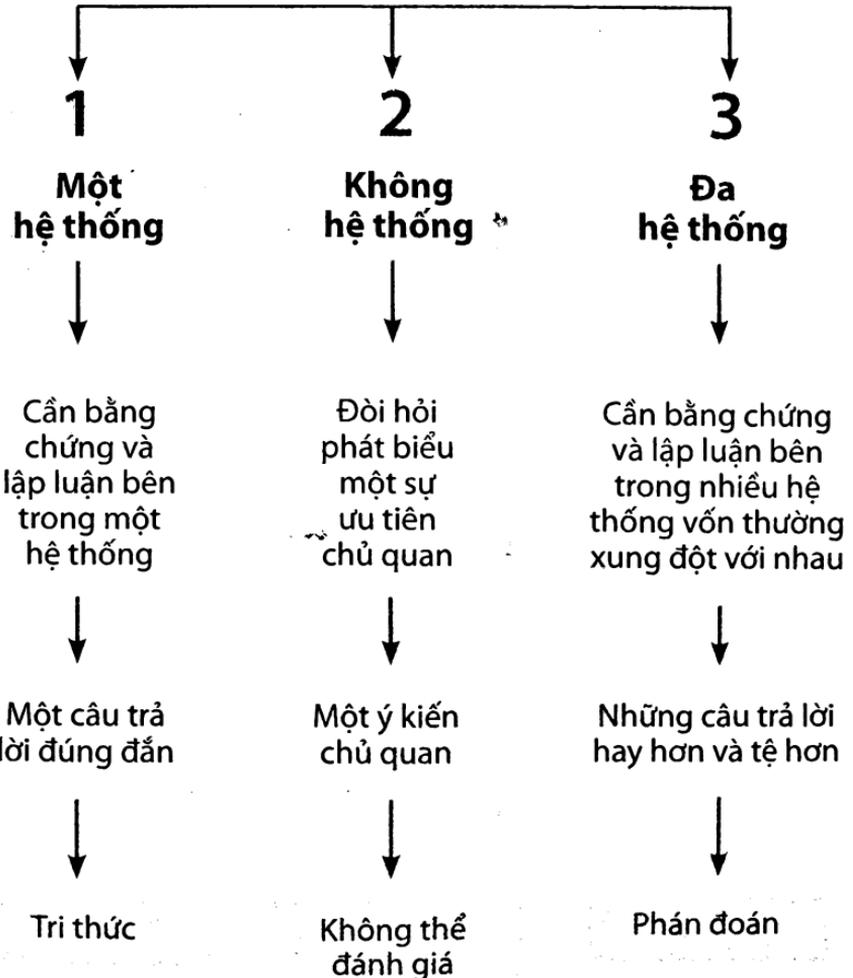
sự khuyến khích và vun bồi đúng mức, người ta có thể học được cách tự mình tư duy, tự hình thành những điểm nhìn thuần lý, rút ra những kết luận hợp lý, tư duy một cách nhất quán và lô gic, thuyết phục người khác bằng lý tính và trở thành những người có lý trí, bất chấp những trở ngại thâm căn cố đế trong tính chất bẩm sinh của tinh thần con người và trong xã hội như ta đã biết.

Công bằng vs Không-Công bằng Trí tuệ

Công bằng là việc có ý thức về sự cần thiết phải đối xử bình đẳng như nhau đối với mọi góc nhìn, mà không viện đến những tình cảm hay lợi ích cá nhân của mình, hay của bạn bè, cộng đồng hay quốc gia mình. Công bằng hàm ý việc tuân theo những chuẩn trí tuệ mà không viện đến lợi thế riêng của mình hay nhóm của mình.

Ba loại Câu hỏi

Khi tiếp cận một câu hỏi thì việc tìm ra câu hỏi đó thuộc loại gì là rất hữu ích. Liệu đó có phải là một câu hỏi cần một câu trả lời dứt khoát? Đó có phải là một câu hỏi thuộc về sự lựa chọn chủ quan? Hay đó là câu hỏi mà bạn cần xem xét những góc nhìn khác nhau?



Một mẫu Giải quyết Vấn đề

Để trở thành một người giải quyết vấn đề hiệu quả:

1. Tìm ra, và phát biểu lại một cách hợp lý, những mục tiêu, mục đích và những nhu cầu của bạn. Nhận ra những vấn đề gây trở ngại cho việc đạt đến mục tiêu, mục đích hay thỏa mãn nhu cầu của bạn.
2. Hãy xem xét từng vấn đề một bất kỳ khi nào có thể. Phát biểu từng vấn đề rõ ràng và chính xác hết mức có thể.
3. Nghiên cứu vấn đề để xác định “loại” vấn đề mà bạn đang phải xử lý. Chẳng hạn, bạn phải làm gì để giải quyết vấn đề này?
4. Phân biệt những vấn đề mà bạn kiểm soát được với những vấn đề bạn không kiểm soát được. Tập trung hết sức vào những vấn đề bạn có thể giải quyết được.
5. Tìm ra những thông tin cần có để giải quyết vấn đề. Hãy tích cực tìm kiếm thông tin.
6. Phân tích và lý giải cẩn thận những thông tin bạn thu thập được, rút ra những suy luận hợp lý.
7. Xác định những lựa chọn hành động của bạn. Về ngắn hạn, bạn có thể làm gì? Về lâu về dài thì sao? Hãy nhận ra những giới hạn của bạn về tiền bạc, thời gian và quyền hành.
8. Đánh giá những lựa chọn của bạn, xác định những lợi thế và bất lợi của mình.
9. Đi theo một chiến lược. Luôn dựa trên chiến lược ấy. Điều này có thể bao hàm việc hành động trực tiếp hay

một lối tiếp cận “cẩn thận suy tính bằng cách chờ đợi và xem xét”.

10. Khi hành động, hãy kiểm soát những hệ quả trong hành động của bạn. Sẵn sàng xét lại chiến lược của mình nếu tình huống đòi hỏi. Sẵn sàng thay đổi phân tích hay phát biểu của mình về vấn đề khi có nhiều thông tin hơn về vấn đề.

Phân tích và Đánh giá Nghiên cứu

**Hãy sử dụng mẫu này để đánh giá chất lượng
của bất kỳ dự án hay bài nghiên cứu nào**

1. Mọi nghiên cứu đều có một MỤC ĐÍCH và mục tiêu cơ bản.
 - Các mục đích và mục tiêu nghiên cứu phải được phát biểu rõ ràng.
 - Các mục đích phải được phân biệt một cách minh nhiên.
 - Mọi mục nghiên cứu phải có liên quan đến mục đích.
 - Mọi mục đích nghiên cứu phải thực tế và có ý nghĩa.
2. Mọi nghiên cứu đều đề cập đến một CÂU HỎI, vấn đề nền tảng.
 - Câu hỏi cơ bản đang bàn đến phải được phát biểu một cách rõ ràng và chính xác.
 - Những câu hỏi liên quan phải được phát biểu và phân biệt.
 - Mọi mục nghiên cứu phải có liên quan đến câu hỏi trung tâm.
 - Mọi câu hỏi nghiên cứu phải thực tế và có ý nghĩa.
 - Mọi câu hỏi nghiên cứu phải xác định rõ ràng những nhiệm vụ trí tuệ (nếu hoàn tất) trả lời được cho những câu hỏi.
3. Mọi nghiên cứu đều xác định các dữ kiện, THÔNG TIN và bằng chứng có liên quan đến câu hỏi và mục đích cơ bản của nó.

- Mọi thông tin được sử dụng phải rõ ràng, chính xác và có liên quan đến câu hỏi cơ bản đang được đặt ra.
- Thông tin thu thập được phải đầy đủ để trả lời câu hỏi đang được đặt ra.
- Thông tin trái với những kết luận chính của nghiên cứu phải được giải thích.

4. Mọi nghiên cứu đều chứa đựng các SUY LUẬN hay lý giải để từ đó rút ra được những kết luận.

- Mọi kết luận phải rõ ràng, chính xác và có liên quan đến câu hỏi then chốt đang được đặt ra.
- Các kết luận được rút ra không được vượt ra khỏi những gì các dữ kiện mang lại.
- Các kết luận phải nhất quán và giải quyết được những sự không thống nhất trong dữ kiện.
- Các kết luận phải giải thích việc những câu hỏi then chốt đã được trả lời như thế nào.

5. Mọi nghiên cứu đều được tiến hành từ một GÓC NHÌN hay khung quy chiếu nào đó.

- Mọi góc nhìn trong nghiên cứu phải được nhận diện.
- Những phản bác từ các góc nhìn khác phải được nhận diện và trình bày một cách công bằng.

6. Mọi nghiên cứu đều dựa trên các GIẢ ĐỊNH.

- Phải xác định và đánh giá rõ ràng các giả định chính trong nghiên cứu.
- Phải giải thích việc các giả định ấy định hình góc nhìn nghiên cứu như thế nào.

7. Mọi nghiên cứu đều được trình bày và được định hình thông qua các KHÁI NIỆM và ý niệm.

- Phải đánh giá rõ ràng các khái niệm then chốt trong nghiên cứu.

- Phải đánh giá ý nghĩa của các khái niệm then chốt trong nghiên cứu.
8. Mọi nghiên cứu đều dẫn đến điều gì đó (tức có những HÀM Ý và các hệ luận).
- Phải vạch ra những hàm ý và hệ luận nảy sinh từ nghiên cứu.
 - Phải tìm kiếm các hàm ý tiêu cực cũng như tích cực.
 - Phải xem xét mọi hàm ý và hệ luận có ý nghĩa.

Nhà Tư duy Phản biện thường làm gì

Nhà Tư duy phản biện thường áp dụng các chuẩn trí tuệ vào những yếu tố của lập luận để phát triển các đặc trưng trí tuệ.



Những Giai đoạn Phát triển Tư duy Phản biện

Nhà tư duy hoàn bị

(Các kỹ năng và phẩm chất trí tuệ đã trở thành bản năng thứ hai trong cuộc sống của chúng ta)

Nhà tư duy cao cấp

(Chúng ta cam kết một đời sống thực hành lâu dài và bắt đầu nhập tâm những phẩm chất trí tuệ)

Nhà tư duy thực hành

(Chúng ta thường xuyên thực hành và do đó thường xuyên tăng tiến)

Nhà tư duy nhập môn

(Chúng ta cố gắng hoàn thiện nhưng thiếu sự thực hành thường xuyên)

Nhà tư duy yếu

(Chúng ta phải đương đầu với những vấn đề có tầm quan trọng trong tư duy của mình)

Nhà tư duy không phản tư

(Chúng ta không ý thức được những vấn đề có tầm quan trọng trong tư duy của mình)

Vấn đề của Tư duy “lấy cái Tôi làm trung tâm”

Tư duy “lấy cái Tôi làm trung tâm” là kết quả của sự thật không may rằng con người chúng ta tự bản tính thường không suy xét đến các quyền hạn và nhu cầu của người khác. Tự nhiên, chúng ta không đánh giá cao góc nhìn của người khác cũng như đánh giá được những giới hạn trong góc nhìn của chính mình. Chúng ta chỉ ý thức rõ ràng về tư duy “lấy cái Tôi làm trung tâm” của mình khi được đào luyện để ý thức về nó. Chúng ta tự nhiên sẽ không nhận ra những giả định “lấy cái Tôi làm trung tâm”, cách thức thu thập thông tin, lý giải thông tin theo cách “lấy cái Tôi làm trung tâm”, nguồn suối của những khái niệm và ý niệm “lấy cái Tôi làm trung tâm” của mình, những hàm ý của tư tưởng “lấy cái Tôi làm trung tâm” của ta. Tự nhiên, chúng ta không nhận ra viễn tượng tự tư tự lợi của mình.

Là con người, chúng ta sống với cảm giác thiếu thực tế nhưng lại rất tự tin rằng thực chất ta đã tìm ra được cách thức sự vật đang tồn tại, và chúng ta đã làm được điều ấy một cách khách quan. Tự nhiên, ta tin vào những tri giác trực quan của mình - dù chúng không chính xác. Thay vì sử dụng các chuẩn trí tuệ trong tư duy, ta thường sử dụng những chuẩn tâm lý tự lấy mình làm trung tâm để xác định điều gì đáng tin và điều gì cần loại bỏ. Dưới đây là những chuẩn tâm lý thường được sử dụng nhất trong tư duy con người:

“NÓ ĐÚNG VÌ TÔI TIN NÓ”. Bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm bẩm sinh: Tôi cho rằng những gì tôi tin là đúng cho dù tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về cơ sở của niềm tin của mình.

“NÓ ĐÚNG VÌ CHÚNG TÔI TIN NÓ”. Bản tính lấy xã hội làm trung tâm bẩm sinh: Tôi cho là những niềm tin nổi trội của các nhóm mà tôi ở trong đó đều đúng cho dù tôi chưa bao giờ đặt câu hỏi về cơ sở của những niềm tin ấy.

“NÓ ĐÚNG VÌ TÔI MUỐN TIN NÓ”. Bản tính bẩm sinh muốn thỏa mãn nguyện vọng: Tôi tin vào bất kỳ điều gì mang tôi (hay các nhóm có tôi trong đó) vào một ánh sáng tích cực. Tôi tin vào những điều “khiến tôi cảm thấy tốt”, những gì không bắt tôi phải thay đổi tư duy của mình theo bất kỳ cách có tầm quan trọng nào, những gì không khiến tôi phải thừa nhận là tôi sai.

“NÓ ĐÚNG VÌ TÔI LUÔN LUÔN TIN NÓ”. Bản tính tự khẳng định bẩm sinh: Tôi có khao khát mãnh liệt muốn duy trì những niềm tin lâu đời của mình, cho dù tôi không nghiêm túc suy xét việc những niềm tin ấy có được bằng chứng biện minh không.

“NÓ ĐÚNG VÌ TIN NÓ LÀ LỢI ÍCH VỊ KỶ CỦA TÔI”. Tính vị kỷ bẩm sinh: Tôi tin vào bất kỳ điều gì biện minh cho việc tôi có được nhiều quyền lực, nhiều tiền, nhiều lợi ích cá nhân hơn cho dù những niềm tin ấy không được đặt cơ sở trong lập luận hay bằng chứng vững chắc.

Vấn đề của Tư duy “lấy xã hội làm trung tâm”

Hầu hết người ta không biết họ đã nhập tâm những định kiến thống trị của xã hội hay văn hóa của mình một cách không phê phán đến mức độ nào. Các nhà xã hội học và nhân học gọi điều này là trạng thái “bị hạn chế văn hóa”. Hiện tượng này là do tư duy lấy xã hội làm trung tâm gây ra, gồm:

- Khuynh hướng không phê phán, đặt văn hóa, dân tộc, tôn giáo của mình lên trên của người khác.
- Khuynh hướng không phê phán muốn chọn những mô tả tích cực tư lợi về bản thân mình và những mô tả tiêu cực về những người mà ta nghĩ họ khác với mình.
- Khuynh hướng không phê phán tự nhập tâm các chuẩn mực và niềm tin của nhóm, mang lấy những bản sắc của nhóm, và hành động như ta được mong chờ phải làm - mà không có một cảm giác tối thiểu nào rằng những gì ta đang làm có thể được đặt thành vấn đề một cách hợp lý.
- Khuynh hướng tuân phục một cách mù quáng những quy định của nhóm (nhiều quy định trong số đó lại quá tùy tiện hay mang tính cưỡng bức).
- Không tư duy vượt ra khỏi những định kiến truyền thống của nền văn hóa của mình.
- Không nghiên cứu và nhập tâm được những nhận thức của các nền văn hóa khác (để qua đó cải thiện chiều rộng và chiều sâu trong tư duy của mình).

- Không phân biệt được đạo đức học phổ quát với những yêu cầu và cấm kỵ văn hóa của mình.
- Không nhận ra rằng truyền thông đại chúng trong mỗi nền văn hóa sẽ định hình tin tức từ góc nhìn của văn hóa đó.
- Không tư duy một cách lịch sử và một cách nhân học (vì thế bị mắc bẫy vào trong những lối tư duy hiện hành).
- Không nhìn thấy tư duy lấy xã hội làm trung tâm là một cản trở nghiêm trọng cho sự phát triển trí tuệ.

Tư duy lấy xã hội làm trung tâm là một dấu hiệu của một xã hội không phê phán. Ta chỉ giảm bớt nó khi thay thế nó bằng tư duy công bằng, liên văn hóa - tức tư duy phản biện theo nghĩa chặt chẽ.

Hình dung về các Xã hội Phản biện

Thói quen phản biện của tư duy, nếu trở nên thông thường trong xã hội, sẽ lan tỏa ngày càng nhiều hơn, vì nó là một cách đối mặt với những vấn đề của đời sống. Người được giáo dục thói quen này sẽ không thể bị những kẻ diễn thuyết cố động làm cho rối loạn... Họ sẽ tin chậm thôi. Họ có thể nhìn sự việc là có thể có hay có khả năng ở mọi mức độ chứ không xác tín và không đau khổ. Họ có thể chờ đợi bằng chứng và đánh giá sức nặng của bằng chứng mà không chịu ảnh hưởng bởi sự nhấn mạnh hay sự tự tin trong các khẳng định ở phía này hoặc phía khác. Họ có thể kháng cự việc viện đến những định kiến cá nhân nhất của mình và mọi loại phỉnh phờ. Giáo dục trong phân khoa phản biện là giáo dục duy nhất mà ta có thể nói là nó sẽ tạo ra những công dân tốt.

William Graham Summer, 1906

Con người có khả năng thuần lý (có lý trí) và công bằng. Nhưng năng lực này phải được phát triển. Nó chỉ được phát triển một cách có ý nghĩa khi các xã hội phản biện xuất hiện. Các xã hội phản biện sẽ chỉ phát triển trong chừng mực:

- Tư duy phản biện được xem như mang tính bản chất cho việc sống một cuộc sống hợp lý và công bằng.

- Tư duy phản biện được dạy thường xuyên; được phát triển một cách nhất quán.
- Những vấn đề khó giải quyết của tư duy là một mối quan tâm vĩnh viễn.
- Tinh thần bảo thủ không được khuyến khích một cách có hệ thống; tinh thần cởi mở được khuyến khích một cách có hệ thống.
- Tính liêm chính trí tuệ, khiêm tốn trí tuệ, cảm thông trí tuệ, tin vào lý tính và lòng can đảm trí tuệ là những giá trị xã hội.
- Tư duy lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm được xem như một tai họa trong đời sống xã hội.
- Trẻ em thường xuyên được dạy rằng các quyền và nhu cầu của người khác là bình đẳng với các quyền và nhu cầu của mình.
- Phát triển một thế giới quan đa văn hóa.
- Khuyến khích con người tư duy cho chính mình và không khuyến khích việc chấp nhận một cách không phê phán tư duy hay hành vi của người khác.
- Người học thường xuyên nghiên cứu và giảm bớt tư tưởng phi lý tính.
- Người học nhập tâm những chuẩn trí tuệ phổ quát.

***Nếu muốn có các xã hội phản biện,
ta phải tạo ra chúng.***

Cẩm nang **TƯ DUY PHẢN BIỆN**

Khái niệm và Công cụ
CRITICAL THINKING
Concepts and Tools

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:

TRẦN BAN

Biên tập : **NGUYỄN VĂN SƯƠNG**
Sửa bản in : **NGUYỄN NGUYÊN**
Trình bày : **HOÀNG VĂN**
Bìa : **NGUYỄN UYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225

Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ♦ ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ♦ ĐT: 39 433 868

In số lượng 3.000 cuốn. Khổ 13,5 x 22cm

Tại: Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam

Địa chỉ: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Xưởng in: Lô B5 - 8, Đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. HCM

XNĐKXB: 3212-2016/CXBIPH/02-221/THTPHCM cấp ngày 23/9/2016

QĐXB số: 1227/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 27/9/2015

ISBN: 978 - 604 - 58 - 3086 - 4

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2016